TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hảo
Ông Nguyễn Văn Hải

***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 920/2022/HNST ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Trung Q, sinh năm 1983; Thường trú: số… đường C, Phường 8, thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy O, sinh năm 1986; Địa chỉ: số…. đường B, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Võ Trung Q trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Thúy O tự nguyện tìm hiểu gần một năm thấy phù hợp nên quyết định tổ chức lễ cưới, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vũng Tàu ngày 24/4/2007. Trong thời gian đầu, ông và bà O chung sống khá hạnh phúc. Khoảng 6 năm gần đây ông và bà O phát sinh nhiều mâu thuẫn vì trong quá trình chung sống giữa hai bên có nhiều điểm khác biệt về tính cách không thể hòa hợp, thậm chí có những lời lẽ xúc phạm gây tổn thương cho nhau dẫn tới cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống từ năm 2017 tới nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng giữa ông và bà O không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

1.Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Hùynh Thị Thúy O.

2. Về con chung: Ông và bà O có 03 con chung là Võ Thị Ngọc L sinh ngày 20/11/2007; Võ Thị Ngọc A sinh ngày 08/6/2011; Võ Thị Ngọc T sinh ngày

19/7/2013. Ông yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 người con. Việc cấp dưỡng nuôi con ông và bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà Huỳnh Thị Thúy O không có mặt hoặc có văn bản để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của ông Q và bà O là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tố tụng ông Q xác nhận đã không còn tình nghĩa vợ chồng với bà O và không muốn tiếp tục hôn nhân với bà O. Bà O không có ý kiến với Tòa án thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông Q thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

Về con chung: Ông Q có nguyện vọng được nuôi 03 con chung là Võ Thị Ngọc L sinh ngày 20/11/2007; Võ Thị Ngọc A sinh ngày 08/6/2011; Võ Thị Ngọc T sinh ngày 19/7/2013. Cả 03 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với ông Q. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Trung Q yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Thúy O cư trú tại Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà O, tuy nhiên bà O vắng mặt không có lý do; ông Võ Trung Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Q và bà O.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về yêu cầu ly hôn:

Ông Võ Trung Q và bà Huỳnh Thị Thúy O chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vũng Tàu ngày 24 tháng 4 năm 2007, là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi ông Q và bà O chung sống thì được cung cấp thông tin thời gian gần đây bà O không còn sống chung với ông Q .

Trong quá trình tố tụng, ông Q xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với bà O, cả hai người không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, đã ly thân từ năm 2017 tới nay. Bà O không tới Tòa làm việc để thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình đối với ông Q. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của ông Võ Trung Q với bà Huỳnh Thị Thúy O hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông Q và bà O có 03 con chung là Võ Thị Ngọc L sinh ngày 20/11/2007; Võ Thị Ngọc A sinh ngày 08/6/2011; Võ Thị Ngọc T sinh ngày 19/7/2013. Cả 03 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với ông Q. Bà O không có ý kiến thể hiện việc muốn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung là Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc A và Võ Thị Ngọc T theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà O được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[2.4].Về án phí: Ông Võ Trung Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trung Q ly hôn với bà Huỳnh Thị Thúy O.

2. Về con chung: Ông Võ Trung Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung của ông Q và bà O là Võ Thị Ngọc L sinh ngày 20/11/2007; Võ Thị Ngọc A sinh ngày 08/6/2011; Võ Thị Ngọc T sinh ngày 19/7/2013.

Bà Huỳnh Thị Thúy O được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Võ Trung Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003325 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân.

5. Về quyền kháng cáo: Bà O, ông Q vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân Phường 8, Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm